

Bản án số: 70/2019/KDTM-ST

Ngày: 28-6-2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Anh Thư

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1755/2019/QĐXXST- KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2147/2019/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S

Địa chỉ: Lô số 6 đường E, khu công nghiệp T, phường T, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Hà Xuân Nh, trú tại: Lô số 9A đường C, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 7 năm 2018).

Ông Hà Xuân Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà V, số 14 đường Phan T, phường Đ, Quận 1, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Trần Hải L, trú tại: Số 198 đường B, Phường 13, Quận 6, Thành phố H, là người đại diện theo pháp luật của Bị đơn.

Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S - Có ông Hà Xuân Nh- Đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 18/01/2016, Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S (Gọi tắt là Công ty SMC) và Công ty Cổ phần C (Gọi tắt là Công ty C) ký hợp đồng kinh tế số 011801/SMC/HĐBT-16 (gọi tắt là hợp đồng). Theo hợp đồng, Công ty SMC cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty C.

- Địa điểm cung cấp: Cao ốc văn phòng số 87 - 89 đường Lê Văn Quới, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Giá trị hợp đồng sẽ tính theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế;

- Thanh toán 100% giá trị trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày cấp bê tông.

Theo yêu cầu của Công ty C, từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2016, Công ty SMC đã cung cấp bê tông cho Công ty C với tổng giá trị là 687.462.500 đồng.

Từ ngày 26/01/2016 đến ngày 20/12/2016, Công ty C đã thanh toán cho Công ty SMC tổng số tiền là 564.920.800 đồng.

Theo công văn số 60/CAS/CV-2016 ngày 09/12/2016 về việc thông báo gia hạn thanh toán tiền bê tông công trình 87-89 Lê Văn Quới, quận Bình Tân, Công ty C thông báo sẽ thanh toán cho Công ty SMC số tiền 172.462.500 đồng trong thời hạn chậm nhất đến ngày 20/01/2017.

Trả lời bằng công văn ngày 09/12/2016, Công ty SMC yêu cầu Công ty C phải thanh toán số nợ 172.462.500 đồng theo các mốc thời gian sau:

+ Tuần lễ từ 12/12/2016- 17/12/2016 thanh toán số nợ là 82.462.500 đồng;

+ Tuần lễ từ 19/12/2016- 24/12/2016 thanh toán số nợ là 30.000.000 đồng;

+ Tuần lễ từ 26/12/2016- 31/12/2016 thanh toán số nợ là 30.000.000 đồng;

+ Tuần lễ từ 02/01/2017- 07/01/2017 thanh toán số nợ là 30.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Công ty C chỉ thanh toán cho Công ty SMC số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 20/12/2016.

Nay, Công ty SMC khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty C:

- Thanh toán ngay cho Công ty SMC số tiền nợ gốc là 122.462.500 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 13,5%/năm, 0,037%/ngày trên tổng dư nợ thực tế chậm trả tính từ ngày 08/01/2017 đến ngày 28/6/2019 là 40.825.324 đồng.

Tổng số tiền Công ty SMC yêu cầu Công ty C phải trả tính đến ngày 28/6/2019 là: 163.287.824 đồng.

Công ty SMC đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy ủy quyền; Giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty SMC; Phiếu cung cấp thông tin đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (Công ty C); Hợp đồng kinh tế số 011801/SMC/HĐBT-16 ngày 18/01/2016; Bảng tính lãi chậm trả; các chứng từ thanh toán; 02 hóa đơn Giá trị gia tăng; 04 Biên bản xác nhận khối lượng; Văn bản số 60/CAS/CV-2016 ngày 09/12/2016; Văn bản phúc đáp ngày 09/12/2016.

** Đối với Bị đơn- Công ty Cổ phần C (Công ty C):*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Công ty C không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Công ty C không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử... được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ngày 18/01/2016, Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S (Gọi tắt là Công ty SMC) và Công ty Cổ phần C (Gọi tắt là Công ty C) ký hợp đồng về việc mua bán beton cement tươi số: 011801/SMC/HĐBT-16 (Gọi tắt là hợp đồng 011801). Do Công ty C không thanh toán đúng như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

Công ty C có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Công ty C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty C.

Công ty SMC có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty SMC.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc:

Buộc Công ty C thanh toán ngay cho Công ty SMC số tiền nợ gốc là 122.462.500 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký hợp đồng 011801 giữa các bên là tự nguyện. Tại văn bản số 60/CAS/CV-2016 ngày 09/12/2016 về việc thông báo gia hạn thanh toán tiền bê tông công trình 87-89 Lê Văn Quới, quận Bình Tân, Công ty C thông báo sẽ thanh toán cho Công ty SMC số tiền 172.462.500 đồng chậm nhất đến ngày 20/01/2017 nhưng chỉ thanh toán được 50.000.000 đồng vào ngày 20/12/2016. Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ còn lại của mình.

Do đó, yêu cầu trên của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc: Yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay tiền lãi chậm trả tính từ ngày 08/01/2017 đến ngày 28/6/2019 là 40.825.324 đồng.

Xét thấy:

Tại Điều 3 của hợp đồng 011801 các bên thỏa thuận: Căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện bên A (Công ty C) tại công trình), bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B (Công ty SMC) 100% giá trị trong vòng 14 ngày kể từ ngày cấp bê tông. Nếu bên A thanh toán chậm theo quy định trên, bên A sẽ thanh toán thêm cho bên B khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng (Ngân hàng theo tài khoản của bên B là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Tân Tạo) trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 07 ngày...

Tại 04 biên bản xác nhận khối lượng thì Công ty SMC đã cung cấp bê tông cho Công ty C vào các ngày 02, 04, 08 và 13/3/2016.

Ngày 09/12/2016, Công ty C có văn bản thông báo sẽ thanh toán cho Công ty SMC số tiền còn nợ 172.462.500 đồng, chậm nhất là ngày 20/01/2017.

Cùng ngày 09/12/2016, Công ty SMC có văn bản yêu cầu Công ty C phải thanh toán số nợ 172.462.500 đồng chậm nhất là ngày 07/01/2017.

Như vậy yêu cầu trả tiền lãi chậm trả (bằng 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định) của Nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S.

Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng kinh tế số 011801/SMC/HĐBT-16 ngày 18/01/2016, tính đến ngày 28/6/2019 là: 163.287.824 đ (Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 122.462.500 đồng, Lãi chậm trả: 40.825.324 đồng.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần C không trả khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần C còn phải trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.164.391 đ (Tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi một đồng).

Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất- Thương mại S số tiền 3.706.113 đ (Ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn một trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0023810 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh

